
Bản án số: 211/2018/HS-ST
Ngày: 28/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Thiều Thị Phi Loan**
Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Việt T**, sinh năm: 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không đăng ký; Tạm trú: 28/27/34B, P, phường 7, quận P, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Họ tên cha: Nguyễn Việt H; sinh năm: không rõ; Họ tên mẹ: Đỗ Thị N; sinh năm: 1968; Tiền sự: không;

Tiền án:

Ngày 23/8/2011, bị Tòa án nhân dân quận G, thành phố H tuyên phạt 03 năm 06 tháng về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc – Bộ Công an, đến ngày 21/01/2014 chấp hành xong (chưa được xóa án tích).

Ngày 25/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ tuyên phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm – Bộ Công an, đến ngày 22/7/2017 chấp hành xong (chưa được xóa án tích).

Bị bắt ngày 21/11/2017. Hiện nay đang giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

Bị hại: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1971

Địa chỉ: C6/7, khu phố 10, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Việt T, sinh năm: 1991, không có đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở: 28/27/34B P, phường 7, Quận. P, TP. H là đối tượng không có nghề nghiệp, có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” vào năm 2011 và 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” vào năm 2015, hiện chưa được xóa án tích.

Khoảng 06 giờ ngày 21/11/2017, Nguyễn Việt T điều khiển xe mô tô biển số 59H1 – 353.30 đi từ khu vực ngã ba T, huyện T về hướng thành phố H. Khi đến đoạn đường trước nhà ở số C1/3, khu phố 10, phường T, thành phố B, T phát hiện chị Vũ Thị T, sinh năm: 1971, cư trú tại số C6/7, tổ 14, khu phố 10, phường T, thành phố B, Đồng Nai đang đi bộ tập thể dục cùng chiều phía trước, trên cổ có đeo 01 (một) sợi dây chuyền vàng kèm mặt dây chuyền vàng kiểu dáng hình trái tim, đính đá màu trắng, loại vàng 14k, tổng trọng lượng 2,98 chỉ (hai phẩy chín mươi tám chỉ) nên T nảy sinh ý định cướp giật. T điều khiển xe chạy áp sát bên phải chị T, rồi dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền vàng đeo trên cổ chị T rồi tăng ga bỏ chạy. Lúc này, chị T tri hô và cùng quần chúng nhân dân đuổi theo T, khi đến đoạn đường cắt, T bị té ngã nên bị chị T và người dân bắt giữ giao Công an phường T lập hồ sơ bắt người phạm tội quả tang chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng kèm mặt dây chuyền vàng kiểu dáng hình trái tim có đính đá màu trắng, loại vàng 14K, tổng trọng lượng 2,98 chỉ. Là tài sản của chị Vũ Thị T, đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 (một) xe mô tô biển số 59H1 – 353.30, nhãn hiệu Honda Lead, màu xám – bạc là phương tiện T thực hiện hành vi Cướp giật tài sản. Qua điều tra, xác minh xác định là tài sản của chị Phạm Thị Kiều O, sinh năm: 1988, hộ khẩu thường trú số 100/563 T, phường 5, Quận. P, TP. H cho T mượn để đi công việc, chị O không biết Thắng sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành phạm tội nên đã trả lại cho chị O là phù hợp.

- 01 (một) USB chứa dữ liệu trích xuất từ camera. Lưu tại hồ sơ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 341/TCKH-HĐĐG ngày 29/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 (một) sợi dây chuyền vàng kèm mặt dây chuyền vàng kiểu dáng hình trái tim có đính đá màu trắng, loại vàng 14K, tổng trọng lượng 2,98 chỉ (hai phẩy chín mươi tám)”, có giá trị định giá là 6.272.900 đồng (Sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm đồng).

Về dân sự: Bị hại Vũ Thị T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 143/CT/VKS-HS ngày 23/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Việt T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Đồng thời, tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận về hành vi cướp giật tài sản như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[2] Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ, ngày 21/11/2017, tại đoạn đường trước nhà ở số C1/3, khu phố 10, phường T, thành phố B, bị cáo Nguyễn Việt T đã sử dụng xe mô tô biển số 59H1 – 353.30 để thực hiện hành vi cướp giật 01 (một) sợi dây chuyền vàng kèm mặt dây chuyền vàng kiểu dáng hình trái tim có đính đá màu trắng, loại vàng 14K, tổng trọng lượng 2,98 chỉ (hai phẩy chín mươi tám)”, trị giá 6.272.900 đồng (Sáu triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm đồng) của chị Vũ Thị T.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Việt T đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Do bị cáo T dùng xe mô tô là phương tiện để cướp giật tài sản và bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu trách nhiệm theo tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm và dùng thủ đoạn nguy hiểm quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và áp dụng điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Về dân sự: Bị hại chị Vũ Thị T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Việt T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Việt T 04 (Bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- VKSND thành phố B (1);
- Cơ quan CSĐT công an TP. B (1);
- Chi cục THADS TP. B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Trí

